

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2020

“Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Ngọc Lâm**.

2. Ông **Nguyễn Duy Phương**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Đức Hợp** - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14/5/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Ninh Đức D**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị Cẩm T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Chị T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bổ sung anh Ninh Đức D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Cẩm T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/8/2012 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng

anh chung sống hạnh phúc bình thường cùng mẹ đẻ anh tại thôn L1, xã T, huyện H đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh với chị T không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra to tiếng không hòa hợp nhau, không tôn trọng và tin tưởng nhau. Mâu thuẫn giữa anh và chị T đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Từ đầu năm 2019 đến nay, chị T thường xuyên đi làm ăn xa nhà thì thoảng mới về nhà một vài ngày xong lại đi làm luôn. Anh có hỏi địa chỉ cụ thể của chị T hiện nay đang ở đâu và làm gì nhưng chị T không nói cho anh biết, vì số điện thoại chị T thường xuyên thay đổi nên anh cũng không biết hiện nay chị T sử dụng số điện thoại nào để liên lạc. Chị T cũng không nói địa chỉ cụ thể hiện nay chị đang ở đâu và làm gì, chị cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình không cho anh biết để cung cấp cho Tòa án. Anh xác định không còn tình cảm với chị T, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh với chị T đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, mỗi người một công việc không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Cẩm T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị Cẩm T có 01 con chung là cháu Ninh Bảo N, sinh ngày 27/9/2016. Khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành. Anh D không yêu cầu chị Hoàng Thị Cẩm T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Vì từ khi cháu Ninh Bảo N được 18 tháng tuổi đến nay, chị T thường xuyên vắng nhà đi làm ăn xa không quan tâm gì đến cháu N; đồng thời anh và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N từ đó cho đến nay. Hiện tại cháu N đang đi học mẫu giáo tại trường mầm non gần nhà anh nên thuận tiện cho việc đi lại, đưa đón đi học; đồng thời anh có quán bán thuốc tân dược và dược phẩm ngay tại nhà với mức thu nhập thường xuyên, ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, bảo đảm về điều kiện tinh thần, vật chất, ăn ở hàng ngày cho cháu Ninh Bảo N.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Hoàng Thị Cẩm T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Anh và chị Hoàng Thị Cẩm T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 và các văn bản tố tụng khác cho chị Hoàng Thị Cẩm T, báo gọi chị T đến giải quyết vụ án nhưng chị T đều không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thôn L 1, xã T và Công an xã Thái Hòa cung cấp thông tin: Hiện nay chị T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh D và chị T có đăng kết hôn với nhau ngày 07/8/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa anh D và chị T không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 do chị T thường xuyên đi làm ăn xa nhà từ khoảng đầu năm 2019 đến nay, thi thoảng mới về địa phương thăm gia đình, địa chỉ cụ thể ở đâu, số điện thoại như thế nào thì địa phương không biết. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án xác minh tại gia đình bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh Ninh Đức D - mẹ chồng chị Hoàng Thị Cẩm T) được biết: Anh D và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh D và chị T chung sống cùng nhà với bà từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Từ khi con chung của anh chị là cháu Ninh Bảo N được 18 tháng tuổi đến nay, chị T thường xuyên đi làm ăn xa ít khi về nhà, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc gì đến cháu N. Bà và anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ninh Bảo N. Đồng thời bà T cũng xác định: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa anh D với chị T, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi cho bà nhờ bà giao lại cho chị T biết nội dung. Tuy nhiên do chị T thường xuyên vắng nhà nên bà chưa giao được giấy tờ cho chị T, nhưng một vài lần chị T điện thoại về nói chuyện với con gái là cháu Ninh Bảo N qua mạng xã hội Zalo, facebook thì bà đã nói cho chị T biết việc anh D đã gửi đơn ly hôn với chị T đến Tòa án giải quyết. Chị T biết việc anh D gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng chị T nói không về giải quyết mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị T cũng không nói địa chỉ cụ thể hiện nay chị đang ở đâu và làm gì, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn anh Ninh Đức D chấp hành các quy định pháp luật tốt; đối với chị Hoàng Thị Cẩm T đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn

bản tố tụng cho chị T theo quy định pháp luật. Vì chị T không cho biết thông tin địa chỉ cụ thể nơi ở hiện tại cho anh Ninh Đức D và bà Nguyễn Thị T biết để cung cấp để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy có thể xác định chị T đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện tại của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm e Khoản 1 Điều 192; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ninh Đức D.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ninh Đức D được ly hôn với chị Hoàng Thị Cẩm T;

+ Về con chung: Giao cháu Ninh Bảo N, sinh ngày 27/9/2016 cho anh Ninh Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ninh Đức D.

Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Ninh Đức D phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Ninh Đức D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị Cẩm T nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thông tin cung cấp của Công an xã Thái Hòa thì hiện nay bị đơn chị Hoàng Thị Cẩm T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn chị Hoàng Thị Cẩm T tại phiên tòa: Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi chị T đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp: Chị Hoàng Thị Cẩm T thường xuyên đi làm ăn xa, gần đây nhất từ đầu năm 2019 chị đi làm ít khi về gia đình và địa phương. Khi đi khỏi địa phương chị T không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho gia đình biết. Gia đình có hỏi địa chỉ cụ thể nhưng chị T không cho biết hiện nay chị đang ở đâu, làm gì. Trước khi chị T đi làm xa và khi chị T điện thoại mạng xã hội Zalo, facebook về nhà nói chuyện với con gái, chị T đã biết việc anh D xin ly hôn nhưng không về Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các

thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua anh Ninh Đức D (chồng chị T) và bà Nguyễn Thị T (mẹ chồng chị T). Những người thân này của chị T đã thông báo cho chị T biết Thông báo thụ lý vụ án số 118/2020/TLST ngày 14/5/2020 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho chị T biết việc anh D nộp đơn ly hôn với chị tại Tòa án, nhưng chị không có ý kiến gì và không thông báo lại địa chỉ hiện tại đang cư trú. Như vậy người bị kiện là chị Hoàng Thị Cẩm T đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ninh Đức D và chị Hoàng Thị Cẩm T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/8/2012 tại UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh D và chị T là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh D và chị T hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Từ đầu năm 2019 đến nay, chị T thường xuyên đi làm ăn xa nhà thì thoảng mới về nhà một vài ngày xong lại đi làm luôn, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Từ khi chị T đi làm ăn xa, anh D có hỏi địa chỉ cụ thể của chị T hiện nay đang ở đâu và làm gì nhưng chị T không nói cho anh D biết, chị T cũng đã biết và được thông báo nội dung anh D xin ly hôn nhưng chị T không về Tòa án giải quyết. Chị T cũng không nói địa chỉ cụ thể hiện nay chị đang ở đâu và làm gì, chị cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình không cho anh D biết để cung cấp cho Tòa án. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T đã quá căng thẳng, trầm trọng không thể đoàn tụ. mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Ninh Đức D và xử cho anh D được ly hôn với chị Hoàng Thị Cẩm T.

[3] Về con chung: Anh Ninh Đức D và chị Hoàng Thị Cẩm T có 01 con chung là cháu Ninh Bảo N, sinh ngày 27/9/2016 hiện đang ở cùng anh D và bà nội là bà Nguyễn Thị T. Xét thấy từ khi cháu Ninh Bảo N được 18 tháng tuổi đến nay, chị T thường xuyên vắng nhà đi làm ăn xa không quan tâm gì đến cháu N; đồng thời anh D và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N từ đó cho đến nay. Hiện tại cháu N đang đi học mẫu giáo tại trường mầm non gần nhà anh D nên thuận tiện cho việc đi lại, đưa đón đi học; đồng thời qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh D có quán bán thuốc tân dược và dược phẩm ngay tại nhà với mức thu nhập thường xuyên, ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, bảo đảm về điều kiện tinh thần, vật chất, ăn ở hàng ngày cho cháu Ninh Bảo N.

Xét nguyện vọng của các đương sự (chị T đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, bà T và anh D đều có nguyện vọng để anh D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ninh Bảo N), đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu N vẫn đảm bảo khi ở với bố và bà nội. Do đó, cần tuyên xử cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ninh Bảo N. Chị Hoàng Thị Cẩm T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Ninh Đức D không yêu cầu chị Hoàng Thị Cẩm T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Anh Ninh Đức D xác định vợ chồng không có tài sản chung, đất đai chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Anh Ninh Đức D xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Ninh Đức D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm e Khoản 1 Điều 192, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ninh Đức D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ninh Đức D được ly hôn với chị Hoàng Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao cháu Ninh Bảo N, sinh ngày 27/9/2016 cho anh Ninh Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ninh Đức D. Chị Hoàng Thị Cẩm T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Ninh Đức D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002071 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ninh Đức D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Hoàng Thị Cẩm T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ninh Đức D và chị Hoàng Thị Cẩm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thái Hòa (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Tùng